

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2020

“*V/ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định;

Ông Nguyễn Văn Khóa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Nh**, sinh năm 1988.

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn C, xã Kiến Quốc, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Xuân Q**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn chị **Bùi Thị Nh** trình bày: Chị và anh **Phạm Xuân Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 5 ngày thì anh **Q** đi du học tại Nhật Bản, thời gian xa cách vợ chồng ít liên lạc, ít chia sẻ với nhau, không hòa hợp trong cách suy nghĩ, giải quyết các khúc mắc trong cuộc sống. Thời gian sống tại gia đình nhà chồng cũng tạo nên nhiều áp lực về tâm lý. Nay chị xác định việc kết hôn và chung sống với anh **Q** không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Q**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh không cung cấp được địa chỉ của anh Q tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh Q), đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị T xác định, anh Q hiện đang học tập, làm ăn tại Nhật Bản, bà không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Q biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà T đã liên lạc thông báo cho anh Q biết, anh có quan điểm nhất trí ly hôn. Về con chung và tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại khu dân cư, Hội liên hiệp phụ nữ, chính quyền địa phương nơi chị Nh, anh Q đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Chị Nh, anh Q sau khi đăng ký kết hôn sinh sống tại địa phương thời gian rất ngắn nên địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện tại chị Nh không sống tại địa phương mà đã về nhà đẻ ở N sinh sống, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Nh hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Xuân Q nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Đ, xã V, huyện T, hiện anh Q đang sinh sống ở Nhật Bản. Do vậy, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q ở Nhật Bản. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Q biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nh và anh nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, mẹ đẻ

anh Q là bà Nguyễn Thị T vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh Q biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Nh với anh Q. Tuy nhiên anh Q vắng mặt lần thứ hai và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh và anh Phạm Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được 5 ngày thì anh Q đi du học tại Nhật Bản do đó vợ chồng không có thời gian gần gũi, gắn bó, tình cảm vợ chồng không có. Anh Q cũng đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị Nh. Thông qua gia đình anh Q có quan điểm vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nhiễm là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có nên chị Nh, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị Nh** được ly hôn anh **Phạm Xuân Q**.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002675 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Xuân Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Tòa GD và NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân